



# ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

## **Chuyên Đề 1: " LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI "**

(HDV: HT. Mai Văn Tâm)

### **Bài số 1:**

## **PHẠM MÔN, MINH THIỆN VÀ PHƯỚC THIỆN**

\* \* \*

Trong nền Đạo Cao Đài có Cơ Quan Phước Thiện mà sau này trở thành Hội Thánh Phước Thiện trực thuộc Hiệp Thiên Đài. Cơ Quan Phước Thiện có nguồn gốc từ Phạm Môn và Minh Thiện Đàn. Trong bài này chúng ta sẽ nghiên cứu lịch sử thành lập và quá trình hoạt động của các Cơ quan này.

### **PHẠM MÔN**

#### **A- Ý NGHĨA DANH XƯNG PHẠM MÔN.**

Phạm Môn có nghĩa là Cửa Phạm tức là Cửa Phật.

Theo lời giảng của Đức Hộ Pháp thì danh từ Phạm Môn Đức Ngài lấy từ trong bài thi của Đức Chí Tôn giảng cho:

Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm môn,  
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn,  
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,  
Tĩnh thể kỳ thân đắc chánh tôn.

#### **Câu 1:**

nghĩa là Đức Chí Tôn kêu cả con cái của Ngài thức tỉnh cho mau lo hiến thân vào cửa Phạm (là cửa Phật).

#### **Câu 2:**

là khuyên chúng sanh ráng lo tu hành để ngày sau linh hồn đặng siêu thăng vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

#### **Câu 3:**

là không có công lao khổ hạnh trong cửa Đạo thì không thể nào trở về ngôi xưa vị cũ cho đặng.

#### **Câu 4:**

là nhằm thế kỷ 20 thời kỳ Đức Chí Tôn rộng mở cửa Phật độ toàn con cái của Ngài chỉ khuyên chúng ta ráng lo tu tĩnh ngộ hủy bỏ cả hành vi thế sự, đem thân vào cửa Đạo, chịu nẫu sòng khổ hạnh thì tự nhiên đắc Đạo tại thế đó vậy.

Từ ngày mở cửa Phạm Môn, Nhơn sanh vào lập Công đọa vị cũng nhiều, điển hình hai vị đắc Thánh là Phối Thánh Phạm Văn Màng (chủ sở Lương điền Phạm Môn) và Phối Thánh Bùi ái Thoại (Cai sở Đắp vẽ Đền Thánh). Ngọc Hư Cung phong hai vị vào hàng Phối Thánh, còn Đức Hộ Pháp dùng quyền Chí Tôn tại thế truy phong vào hàng phẩm Thánh Nhơn.

#### **B- NGUỒN GỐC THÀNH HÌNH PHẠM MÔN:**

Phạm Môn phôi thai từ năm Kỷ Tỵ (1929), khởi thủy do Đức Hộ Pháp sang phần đất tại xóm Trường Đua thuộc xã Hiệp Ninh, quận Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tạo một ngôi nhà. Ngôi nhà đầu tiên này do Đức Hộ

Pháp đặt cho Ông Lễ Sanh Thượng Ngươn Thanh lãnh khoán, khi làm xong kéo đem tới dựng lên (nhà cột cây lợp tranh).

Sau khi dựng xong ngôi nhà này Đức Hộ Pháp đặt tên là Phạm Nghiệp ban cho hai Câu liếng nơi trước cổng là:

Phạm nghiệp thừa nhân lợi lộc Công danh vô sở dụng,  
Môn quan tích Đạo tinh thần pháp bửu hữu Cơ cầu.

Trong Bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày Rằm tháng 7 Nhâm Thân (1932), Ngài có giảng giải như sau: " Khi bỏ chức từ quan thì cũng đã biết thân để dành đôi chút, tưởng là để đồng tiền mà chi phí đặng an ổn thân tu, về nơi Tòa Thánh đặng làm tô tử cho Chí Tôn cả vợ chồng con cái, nào ngờ đâu hạng vô lương tâm gởi thơ rơi nhiếc mắng rằng nhờ Đạo mà vợ no con ấm. Cốt yếu muốn đuổi Tệ Đệ ra khỏi Tòa Thánh như đuổi Cao Thượng Phẩm vậy đặng không chỗ nương thân phải ra rừng mà ở cho chết đói coi chơi; họ thăm nghĩ đã bỏ chức phận mình và đường sanh nhai rồi thì còn gì mà sống.

Một phen chẳng nói chi, còn đặng liền mười bốn cái thơ, mạ nhục đến điều; nếu Tệ đệ còn ngoài đời chắc là đã sanh thế khác hơn là lo lui cui đi mua đất cất nhà cho vợ con ra khỏi Tòa Thánh. Tiền của Tệ Đệ làm mà đặng bất lương cũng còn kiện Tệ Đệ nơi Tòa án. Ấy là Phạm Nghiệp lập ra với tư bốn chút ít của Tệ Đệ và nợ của Tệ Đệ tạm cầu nơi Bà con mà lập ra . . . . "

Sau này Bà Phối Sư Hương Nhiều là bạn đời của Đức Hộ Pháp qui vị cũng được chôn cất và thờ phượng nơi đây. Trước năm 1975, Hội Thánh cho xây dựng một ngôi nhà gạch kang trang, chung quanh có vườn hoa rất đẹp mắt.

Như vậy,

**Phạm Nghiệp đầu tiên lập ra là tài sản của gia đình Đức Hộ Pháp nhưng ngày nay cũng do Hội Thánh quản lý.**

Trong lúc đang kiến tạo ngôi nhà này có một số người Đạo Tâm tự đến xin làm giúp cho Đức Hộ Pháp. Mục đích của những người này là muốn được gần gũi Đức Hộ Pháp để học Đạo và cứ như thế số người đến xin làm mỗi ngày thêm đông.

Đến năm Canh Ngọ (1930) Đức Hộ Pháp mới nói với những người này rằng: Chỗ này không phải chỗ làm Công quả, nếu ai muốn làm Công quả, thì về trong Tòa Thánh mà làm. Còn như em nào muốn theo Qua, thì phải làm tờ hiến thân trọn đời vào Phạm Môn và phải có cha mẹ với vợ bằng lòng ký tên cho hiến thân mới đặng, đồng thời Tờ Hiến Thân phải có Đầu Họ Đạo vi chứng. Những anh em này hợp nhau bàn tính, kết quả anh em đồng ý làm Tờ Hiến Thân. Khi làm Tờ Hiến Thân xong đệ lên Đức Hộ Pháp, Ngài xem xong rồi đệ luôn qua cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt. (Tờ Hiến thân đợt đầu này đệ ngày 15 tháng 6 năm 1930).

Từ ngày Anh, Em làm Tờ Hiến Thân rồi, Đức Thầy buộc làm công mỗi tháng phải làm đủ 27 ngày, nghỉ 3 ngày là: Mồng 1, 20 và 30. Nếu tháng thiếu nghỉ ngày 29.

### **Một số Cơ Sở Phạm Môn ở vùng Thánh Địa.**

- Đức Thầy dạy Anh Em về Tòa Thánh tạo Sở "Khách Đình" kế lộ Phước Đức Cù, sau hậu nhà Sở Khách Đình sát với rừng cấm (hướng Nam Tòa Thánh ). Nhà Sở này do Ông Nguyễn Văn Lư làm chủ sở.
- Đến cuối năm Canh Ngọ (1930) Đức Thầy cho anh em xuống mở Sở Phạm Môn tại Tâm Lạch thuộc xã Trường Hòa ( Tây Ninh ) do Ông Lê Văn Lưu làm Chủ Sở sắp đặt việc nhà cửa và canh tác ruộng rẫy. Ông Phạm Văn Màng nhiệm vụ coi Anh Em người Miền làm hằng ngày. Vì Sở này có bốn chục (40) người Miền kể cả Nam, Nữ. Còn người Việt Nam lối hai chục người (20).
- Đến năm Tân Mùi (1931) Đức Thầy dạy Ông Trịnh Phong Cương ra tạo Sở Giang Tân kế mé sông Vàm Cỏ Đông thuộc xã Trường Hòa sát ranh với xã Long Thành.
- Sở Nam Công Nghệ gần ngã ba đi Suối Đá và đi Chà Là, tại nách đường đi vô Thái Bình Thánh Địa (nghĩa địa) do Ông Võ Văn Đợi tự Đại làm Chủ Sở.
- Sở Nữ Công Nghệ ở gần ngã tư Ao Hồ kế bên cửa số 7 ngoại ô Thánh Địa do Ông Đinh Văn Tiết làm Chủ

Sở.

- Sở Dưỡng Lão Đường cũng gần ngã tư Ao Hồ, nên nhà Sở là Điện Thờ Phật Mẫu Đệ Tam ngày nay (Canh Thân 1980) do Ông Lê Văn Tri làm Chủ Sở.

- Ngoài ra sau này còn lập Sở Vạn Pháp Cung trên chân núi Bà lo việc phá rừng, lập vườn trồng rẫy sản xuất lương thực. . .

**C- MINH THIÊN ĐÀN.** (Cũng là một thành phần của Phạm Môn).

Năm 1927 (Đinh Mão), Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân vâng lệnh Đức Phật Mẫu đi xuống làng Phú Mỹ, huyện Châu Thành tỉnh Mỹ Tho tìm đất lập một Thánh Thất gọi là Thánh Thất Khổ Hiền Trang và giao cho ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh làm chủ. Đức Lý Giáo Tông có cho một bài thi khoán thủ để làm kỷ niệm như sau:

Khổ thà cam chịu chớ đừng than,  
Hiền hảo cùng nhau mới vẹn toàn,  
Trang điểm ngọc lành cho đáng giá,  
Dồi mài chí thiện Thượng Minh Thanh.

Ngày 14 tháng 10 năm Đinh Mão (8-11-1927) ông Đinh Công Trứ, nhà ở tại làng Phú Mỹ, chấp Cơ được Đức Lý Giáo Tông giảng dạy lập Minh Thiện Đàn tại nhà của ông.

Sau đó ông Lê Văn Trung nhà cũng ở tại Phú Mỹ gia nhập Minh Thiện Đàn.

Hai ông Đinh Công Trứ và ông Lê Văn Trung (sau này đặc phong phẩm Hiền Nhơn trong Cơ Quan Phước Thiện) được Đức Lý Giáo Tông dùng làm cặp phò loan chính thức của Minh Thiện Đàn. Và Đức Lý cũng chỉ định ông Đinh Công Trứ làm Chủ trưởng Minh Thiện Đàn.

Phận sự ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh hiệp (04) Hương đạo cùng các vị đạo tâm, trí thức chung lo. Đến ngày Rằm tháng Giêng năm Mậu Thìn (1928) bắt đầu lập Đàn thu người vào Minh Thiện Đàn, do ông Giáo Hữu chứng minh thệ cho mỗi người rồi lập danh sách dâng lên cho ba Ngài: Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm.

Đồng thời chiêu mộ các vị đã vào Minh Thiện Đàn đưa về Tòa Thánh làm công quả phá rừng, đào giếng, bứng gốc, chặt chồi.....

**Sau đó Đức Lý giảng dạy:**

Minh Thiện Đàn tức là Qui Thiện, mà Qui Thiện là Phạm Môn nên phải hiệp với Đức Hộ Pháp.

Ngày 25 tháng 2 năm Kỷ Tỵ (DL. 4-4-1929) nghe tin Đức Hộ Pháp đang lánh nạn ở Thủ Đức (do vụ ông Tư Mắt về Tòa Thánh hành hung Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm), ông Lê Văn Trung liền đi lên Thủ Đức rước Đức Hộ Pháp về Phú Mỹ. Đức Lý Giáo Tông giao Minh Thiện Đàn cho Đức Hộ Pháp chưởng quản. Một sự kiện đáng ghi nhớ nơi Minh Thiện Đàn ở Phú Mỹ là việc Đức Hộ Pháp cùng chư vị Chức sắc, Đạo hữu đi tìm và lấy được Long Tuyền Kiếm do Trạng Tàu trấn yểm từ lâu làm cho đất nước Việt Nam không xuất hiện Nhơn tài vì mỗi lần có Nhơn tài xuất hiện đều bị kiếm báu Long Tuyền vớt đứt. . .

Do đàn Cơ của Bà Bát Nương mách bảo Đức Hộ Pháp vào đêm 16-10 Mậu Thìn (27-11-1928), đến ngày 28- 2- Kỷ Tỵ (1929) Đức Hộ Pháp cùng phái đoàn gồm 36 vị bơi xuống vào một cánh đồng hoang vu có gò đất gọi là ngọn núi Lan. Chính nơi đây phái đoàn đã đào bờ và lấy được thanh Long Tuyền Kiếm đựng trong một cái hộp bao chì và Đức Hộ Pháp đã mang về Tòa Thánh. . .

**Thập Điều Giới Răn.**

Đến năm 1930, Đức Hộ Pháp dạy cả Anh Em phải học Thập Điều Giới Răn, phải học cho thuộc lòng đặng khi Thầy biểu đọc lại là phải cho thuộc.

**Thập Điều Giới Răn như dưới đây:**

- 1- Phải tuân y Luật Pháp Chơn Truyền của Chí Tôn.
- 2- Phải trọn hiếu với Tông Đường Phụ Mẫu, trọn nghĩa Vợ Chồng, vẹn phận làm Cha.
- 3- Phải trọn giữ trai giới.
- 4- Phải xa lánh các Đảng phái.
- 5- Phải thật hành Phước Thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.
- 6- Không đặng thù của chúng sanh.
- 7- Coi Anh Em đồng Đạo như ruột thịt.
- 8- Không được bội Sư phản bạn.
- 9- Phải ở như các Thánh Hiền, đừng phạm tội vong công, bội đức.
- 10- Phải Thương yêu loài người và loài vật, kính trọng mạng sanh, vì theo tánh chất của Chí Tôn là Chúa sự sống.

### **Hồng Thệ Đào Viên Pháp:**

Sau một thời gian lập Cơ ng quả trong Phạm Môn, Các vị này được Đức Hộ Pháp cân thần nghĩa là dùng phương pháp đặc biệt của Ngài để xem coi ai đã đạt được trung bình trở lên về Cơ ng quả cũng như về hạnh đức. Những vị được tuyển chọn sẽ có buổi Minh thệ tập thể gọi là Hồng thệ Đào Viên Pháp. Những vị này sẽ được giao cho những nhiệm vụ quan trọng hơn trong tương lai.

1- Hồng Thệ nơi Minh Thiện Đàn (Thánh Thất Khổ Hiền Trang) ngày Rằm tháng 2 Canh Ngọ (1930)  
 Tại Minh Thiện Đàn trong đợt đầu Đức Thầy chọn được 23 vị và cho làm lễ Hồng thệ Đào Viên Pháp trước đó vào ngày Rằm tháng 2 Canh Ngọ (1930).  
 Những vị này về Tòa Thánh hành Đạo sau đạt phẩm vị Chơn Nhơn, Đạo Nhơn khá nhiều. Đặc biệt có hai vị đạt đến phẩm Hiền Nhơn (đối phẩm Phối Sư bên Cửu Trùng Đài) đó là Hiền Nhơn Lê Văn Trung và Hiền Nhơn Nguyễn Văn Phú.

2- Hồng thệ tại Sở Trường Hoà: ngày mùng 3 tháng Giêng Nhâm Thân (1932)  
 Đúng ngày mùng 3 tháng Giêng NhâmThân (1932) cả Anh Em Phạm Môn Nam Nữ và luôn cả Cha Mẹ Vợ Con của Anh Em đều tựu đến Sở Trường Hòa rất đông phủng chừng lối ngàn người.

Đến 7 giờ tối Đức Thầy dạy lấy một cái thau rửa thật sạch, đem để trước Thiên Bàn, Đức Thầy nói: Đáng lẽ là mỗi người có tên Hồng Thệ hôm nay tự mình cắt tay lấy máu đựng chung trong thau này rồi mỗi người uống một hớp, nhưng mấy em là người Đạo mỗi người đều giữ trường trai không thể làm như vậy được, nên phải dùng rượu chát đỏ thay thế, đổ rượu vào thau này cho nhiều vì mấy em đông lắm, lại thêm Cha Mẹ, Vợ Con của mấy em. Khi đổ rượu vào thau xong, Đức Thầy làm lễ Chí Tôn và hành Pháp vào thau rượu rồi kêu từ người theo danh bộ đã chọn sẵn và cả Cha Mẹ, vợ con của người được Hồng Thệ vô.

### **Người chánh danh Phạm Môn được Hồng Thệ qui trước Thiên Bàn nguyện như vầy:**

Tôi là: .....tôi thề rằng:  
 Từ nay tôi coi Anh Em Phạm Môn như ruột thịt, sanh tử bất ly, thoàng có điều chi hoạn nạn thì tôi liều mình với Anh Em, tôi thất nguyện quyền Thiêng Liêng hành pháp tận đọa tam đồ bất năng thoát tục, và Thầy tôi không nhìn đến tôi nữa.  
 Lạy ba lạy đứng dậy, rồi thọc ngón tay giữa bàn tay mặt vô rượu chát đỏ mà nói rằng: " Đây là huyết thệ của tôi ", rồi uống mỗi người một hớp, Cha Mẹ, vợ con của người chánh danh cũng uống mỗi người một hớp, như vậy, kể người sau đó cũng làm y như vậy tiếp theo mãi cho hết.

Những người Hồng Thệ kỳ mùng 3 tháng Giêng Nhâm Thân (DL. 7-2-1932), Đức Thầy chọn được 67 vị. Ông Lê văn Tri xin thêm 5 vị nữa ở Gò Chai, Long Vĩnh, Đức Thầy cho nhưng Đức Thầy nói: Mấy người em xin thêm đó nếu sau này có nên được, em vanh tay Qua đi. Sau quả y lời như Đức Thầy nói.

3- Hồng Thệ đợt sau tại Hộ Pháp Đường: Đến tháng 8 năm Ất Hợi (1935), Đức Thầy cho Ông Nguyễn văn Gia Thủ Bốn Phạm Môn hay đến ngày 18 tháng 8 Ất Hợi (15-9-1935) sẽ làm Lễ Hồng Thệ cho những vị Phạm Môn chưa Hồng thệ kỳ trước, Ông Thủ Bốn Phạm Môn liền gởi thơ các Sở hay, và đúng ngày đã định Anh Chị Em đều tựu về nhà sau tại Hộ Pháp Đường hồi đó còn nhà cột cây lợp tranh.

Việc Hồng Thệ (Đào Viên Pháp) kỳ này cũng thi hành y như kỳ mồng 3 tháng Giêng Nhâm Thân (1932) và kỳ này kết quả được 52 Nam và 27 Nữ.

#### **D- HOẠT ĐỘNG CỦA PHẠM MÔN.**

Đức Thầy (Đức Hộ Pháp) thường đến thăm Anh Em nội các Sở Phạm Môn, đi bằng cách cỡi ngựa, vì thời này đa số đều là rừng rậm, chớ không có đường lưu thông rộng rãi như ngày nay, chỉ đi theo con đường xe bò, nên dầu có xe đạp cũng khó đi lắm ! Có khi Đức Thầy đi một mình, có khi thì có một hoặc hai người đi theo. . . . .

Cũng trong khoảng thời gian này, khi đến thăm các Sở, hễ gặp người bệnh thì Đức Thầy kêu Chủ Sở dặn phải tận tâm lo thuốc men cho người bệnh, không nên vì việc làm mà bỏ người bệnh.

Vì lúc này, Sở nào cũng đều là đất rừng mới khai phá ra nên bệnh chổi nước, sốt rét rất nhiều. Mỗi lần Đức Thầy đi thăm đều thấy như vậy, hôn nữa càng ngày số người bệnh lại càng đông hơn trước.

Nhận thấy không thể đành như vậy được, nên đến tháng Giêng năm Quý Dậu ( 1933 ), Đức Thầy mới kêu Anh Em đến sửa soạn ngôi nhà sau hậu Hộ Pháp Đường , lót ván sạp dài thành hai dãy dọc theo hai bên, để cho người bệnh ở các chỗ Phạm Môn về, nằm trị bệnh ( Nam tả, Nữ hữu ). Khi sắp sửa chỗ nôi xong, Đức Thầy cho các vị Chủ Sở hay, kể từ nay các Sở Phạm Môn hễ có người bệnh, dầu Nam hay Nữ, đều đem hết về giao cho Đức Thầy chăm sóc điều trị.

Phần trị bệnh chia ra 2 khoa:

Đông y do Ông Bùi văn Hưng (Ông Tư Hưng) làm Bảo Bệnh điều trị bằng Đông y.

Tây y Đức Thầy bổn thân chăm sóc chích thuốc và cho uống Tây y.

Vì trong thời gian này (1933), những người hiện làm Cơ ng quả tại TòaThánh và các Sở Phạm Môn không người nào biết chích thuốc, và điều trị bằng thuốc Tây, chỉ có Sài Gòn mới có một tiệm bán thuốc Tây mà thôi.

Về việc Đức Thầy chích thuốc Tây trị bệnh cho Anh Em rất kết quả, vì đa số là bệnh chổi nước, rét rừng nên chích ký nin (Quinine) rất Cơ ng hiệu, nhưng rất tiếc là Cơ ng việc trị bệnh đang tiến hành, kể bị nhóm người Chi Phái đối lập với Tòa Thánh Tây Ninh tố cáo với chánh quyền Pháp tại Tây Ninh, nên Ông Trưởng Tâm (xếp mật vụ Pháp Tây Ninh) đi với bốn người lính Cảnh Sát vô tại Hộ Pháp Đường, khám lấy kim chích, và cả dụng cụ chích thuốc . . . . .

Từ đó Đức Thầy không còn chích được nữa, những người bệnh chổi nước rét rừng thì ra ở tại nhà Cô Tư (Chị ruột của Đức Thầy) ở tại chợ củ Tây Ninh, đặng mỗi bữa sáng đến nhà Thương Tây Ninh chích thuốc.

Đến cuối năm Quý Dậu (1933), gần Tết Nguyên Đán, Ông Trưởng Tâm xếp lính kín Tây Ninh đi với bốn, năm người nữa mặc đồ thường (không biết chức vụ), đến tại Hộ Pháp Đường trình giấy chứng của Quan Chánh Tham Biện (Tỉnh Trưởng) Tây Ninh, cho lệnh khám xét Hộ Pháp Đường

Sau đó, lối hai tháng thì có lệnh đóng cửa các Sở Phạm Môn, do chánh quyền làm sẵn, đem đến dựng trước cửa mỗi nhà Sở một tấm bảng như vầy: "Niêm cửa lại vì lập Hội không xin phép trước ".

Mặc dù có lệnh của chánh quyền đóng cửa như vậy, nhưng Anh Em cũng âm thầm ở tại nhà Sở như từ trước, chỉ đóng cửa trước không mở, và giảm sự tụ họp đông đảo như trước mà thôi.

Vì làng, xã tại địa phương thấy Anh Em nội đây đều là lo làm ăn tu hành, và cả thầy đều trường trai chớ không có điều chi khả nghi làm cách mạng nên họ ngó lơ cho Anh Em ở đó.

#### **Cũng trong năm Quý Dậu (1933), Cơ quan Đạo biến động, Chức Sắc Đại Thiên Phong nghịch lẫn nhau, rồi lần di đến chỗ chia phe, phân phái.**

- Ông Đầu Sư Thượng Tướng Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Đầu Sư Ngọc Trang Thanh ( Lê Bá Trang ) lập "Ban Chính Đạo", địa điểm tại Bến Tre, tức là Tòa Thánh An Hội Bến Tre.

- Ông Lê Kim Tỵ và Giáo Hữu Chính lập ra phái "Tiên Thiên", địa điểm bìa Sân Cu, giáp ranh với Bàu Đẽ, và sau này dời về Sóc Sỏi, Bến Tre.

- Ông Phối Sư Thái Ca Thanh (Đốc Phủ Ca) lập phái "Chơn Minh Lý", địa điểm tại Mỹ Tho.

- Ông Ngô Đức Nhuận và Nguyễn Ngọc Điền (Chín Rung) lập một phái gọi là phái "Tuyệt Cốc", không có địa điểm chính thức và còn nhiều phái khác nữa...

Từ đây, những nhóm người tách rời Tòa Thánh thường đánh đổ Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt và Đức Hộ Pháp, thậm chí có phần tử dựa vào quyền đời để gây rối rắm trong Đạo.

Đến tháng Giêng năm Giáp Tuất (1934), khi cúng Đàn rằm tháng Giêng vừa xong, liền được tin đến ngày 20 tháng Giêng này là có Chi Phái về Tòa Thánh Đăng Điện, tức là lên Ngôi Giáo Tông, và sẽ đuổi Đức Quyền Giáo Tông ra khỏi Tòa Thánh. Đức Quyền Giáo Tông lấy làm lo lắng, nên đến cho Đức Thầy hay và nhờ Đức Thầy liệu cách bảo vệ sự an toàn cho Tòa Thánh.

Đức Thầy nói: "Xin Anh Cả yên tâm, để mặc Em lo liệu". Và liền kể đó, Đức Thầy ra cho Thủ Bồn Phạm Môn là Ông Nguyễn Văn Gia khẩn cấp kêu hết Anh Em Chủ Sở và Đạo Sở nói các Sở Phạm Môn phải có mặt tại Tòa Thánh trước 5 giờ sáng ngày 20 tháng Giêng Giáp Tuất (1934), để Đức Thầy dạy việc, mỗi Cơ Sở chứa lại một người giữ nhà mà thôi.

Vừa rạng sáng ngày 20 tháng Giêng Giáp Tuất (1934), cả Anh Em lớn nhỏ nơi các Sở Phạm Môn đều tụ đến đủ mặt tại Hiệp Thiên Đài, Đức Thầy giao cho Ông Giáo Sư Thượng Minh Thanh lãnh trách nhiệm điều động thống nhất phân ra giữ các cửa ra vào Nội Ô Tòa Thánh.

Đúng như ngày đã định, lúc 7 giờ sáng ngày 20 tháng giêng Giáp Tuất (DI. 5/3/1934), nhóm người Chi Phái kéo về Tòa Thánh rất đông, vừa đến cửa Hòa Viện (cửa số 1) thì ngưng lại rồi phân ra. Một nhóm thì kéo vào cửa số 1, còn một nhóm thì lại kéo đến cửa số 2, cũng đồng xông vào Nội Ô.

Những người giữ cửa được lệnh của người làm đầu bảo ngăn lại không cho vô và nói rằng: các Hiền Huynh nán đợi chúng tôi báo cáo với Đức Quyền Giáo Tông và đợi có lệnh Anh Cả cho mời các Hiền Huynh sẽ vô cũng không muộn. . .Rất cuộc âm mưu của họ bất thành.

Sau cuộc biến động ngày 20 tháng Giêng kể trên, Đức Quyền Giáo Tông mời anh em Phạm Môn dự bữa tiệc thân mật, có Đức Hộ Pháp tham dự.

#### **Trước khi nhập tiệc Đức Quyền Giáo Tông có để lời:**

"Lúc trước Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn có một phần chức sắc lớn trong Hội Thánh đánh đổ, chớ ít ai nhìn nhận là đúng. Hễ ai nói sao Qua nghe vậy chớ thật ra Qua cũng không biết Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn ích lợi gì? Đến hôm nay Qua mới biết, nhờ có mấy em dám hy sinh để bảo tồn nghiệp Đạo".

Và cũng trong bữa tiệc này, Đức Quyền Giáo Tông ngỏ ý yêu cầu Đức Hộ Pháp cho Hội Thánh Cứu Trùng Đài mượn người Phạm Môn để bỏ đi các Tinh hầu trấn an tinh thần bốn Đạo rất hoang mang và Đức Thầy cũng hứa chịu. . .

Cơ Đạo đang gặp cơn thử thách, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đồng tâm hợp sức lèo lái con thuyền Đạo vượt qua cơn bão tố, nhưng khổ nỗi gặp cảnh họa vô đơn chí là đến ngày 13 tháng 10 năm Giáp Tuất (7 tháng 11 1934) Đức Quyền Giáo Tông đăng tiên làm cho cả Hội Thánh và toàn Đạo đều ngậm ngùi thương tiếc. . .

Sau cuộc tang lễ Đức Quyền Giáo Tông Hội Thánh liền triệu tập Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Hội Thánh để tìm phương củng cố nền Đạo.

Kết quả cả hai Đại Hội Nhơn sanh và Hội Thánh đều đồng thanh yêu cầu Đức Hộ Pháp nắm luôn quyền chưởng quản Cứu Trùng Đài cho đến ngày nào có Đầu Sư chánh vị, tức là Đức Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cứu Trùng.

## **CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN**

### **A- TỪ PHẠM MÔN CHUYỂN SANG PHƯỚC THIÊN:**

Như phần trên có nói kể từ đầu năm 1934, tinh trưởng Tây Ninh đã ra lệnh đóng cửa Phạm Môn với lý do "lập Hội không xin phép nhà nước" và họ nghi ngờ Phạm Môn hoạt động chánh trị (chống Pháp), nay Đức Hộ Pháp đổi Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiên tức hoạt động song song với Hành Chánh Đạo, có phẩm trật chức sắc rõ ràng nên nhà cầm quyền không nghi ngờ nữa.

#### **Diễn tiến việc thành lập Cơ Quan Phước Thiên như sau:**

Qua năm Ất Hợi (1935), Đức Thầy nhớ lời hứa với Đức Quyền Giáo Tông, nên Đức Thầy đưa Anh Em Phạm Môn ra cầu phong do Đàn Cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm Rằm tháng 2 Ất Hợi (DI. 19/3/1935), Đức Lý

Đại Tiên kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giáng Cơ phong Ông Trịnh Phong Cương là Giáo Hữu, còn những vị khác đều là Lễ Sanh Phái Thượng (gọi chung là Lễ Sanh Giáo Thiện) gồm 26 Nam và 14 Nữ Lễ Sanh Giáo Thiện.

Sau khi cầu phong, Đức Thầy lựa chọn 20 vị nam, 9 vị nữ bổ đi làm Đầu Họ Phước Thiện một tỉnh trong 20 tỉnh Nam Phần Việt Nam thời đó. (Nghĩa là mỗi tỉnh đã có Đầu Họ Đạo về Hành Chánh nay thêm Đầu Họ Phước Thiện). Đức Thầy dạy bắt thăm ai trúng đầu thì đi đó. Và Đức Thầy còn ban cho mỗi người một đạo hiệu đặc biệt.

**Như vậy Cơ Quan Phước Thiện được thành lập từ đây (năm 1935).** Đức Thầy cử Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa lãnh trách nhiệm Chưởng Quản Cơ Quan Phước Thiện.

Trước khi đi trấn nhậm nơi địa phương các vị này phải đến Hộ Pháp Đường mỗi đêm từ 6 đến 10 giờ để học về Kinh kệ, học đi lễ, học cách tiếp xúc, xã giao với thân hào nhân sĩ địa phương và các Chức sắc tôn giáo bạn. . . Chính Đức Thầy đích thân dạy cặn kẽ mọi điều.

Những vị Đầu Họ Phước Thiện buổi đầu tiên khi đến địa phương đều ở tại các Thánh Thất chung với Đầu Họ Hành Chánh Đạo, nhưng việc ai nấy lo, nếu gặp việc cần đều chung lo giúp đỡ lẫn nhau.

- Đầu Họ Đạo Hành Chánh lo phổ độ Nhơn sanh.

- Đầu Họ Phước Thiện lo cho người Hiến Thân vào Phước Thiện khai mở Cơ Sở Lương Điền, Công Nghệ và Thương Mãi.

Về việc Đạo sự lúc này tiến triển rất khả quan, nhứt là việc người Hiến Thân vào Phước Thiện và vụ khai mở Sở Lương Điền.

Đến ngày 27 tháng Chạp Ất Hợi (1935), các vị Đầu Họ Phước Thiện tiếp được điện tín của Ngài Khai Pháp Chưởng Quản Phước Thiện cho phép về ăn Tết, mỗi người được về thăm gia đình đến ngày 8 tháng Giêng Bính Tý (1936), phải có mặt tại Tòa Thánh để cúng Vía Đức Chí Tôn và đãi lịnh (chờ lịnh) Hội Thánh.

Qua ngày mùng 9, Đức Thầy cho kêu hết những vị Đầu Họ Phước Thiện họp đủ mặt tại Hộ Pháp Đường, Đức **Thầy ban cho mỗi vị bốn phép Bí Tích là:**

- 1/. Phép Giải Oan
- 2/. Phép Tắm Thánh
- 3/. Phép Đoạn Căn (Hành Pháp xác)
- 4/. Phép Hôn Phối

Đức Thầy trực Thần, khai khiếu, truyền Đạo, cách thức hành pháp cho từ người, Đức Thầy lại ban cho mỗi vị một cây bạch đăng (đèn cây trắng) và dặn khi nào gặp việc khó khăn không giải quyết được, đợi lúc 12 giờ khuya để lên đốt cây đèn cây này, và thành tâm cầu nguyện thì Thầy sẽ giúp cho.

Khi các việc xong, Đức Thầy dặn, cúng Lễ Rằm tháng Giêng rồi trở xuống Địa phương lo phận sự của mình. Còn về bảng chỉ dẫn Hành Pháp, Thầy sẽ gửi xuống sau. Việc Hành Pháp này phải ráng tập luyện, khi nhận thấy được, sẽ thực hành, và khi Hành Pháp, sự kết quả như thế nào, nhớ Phúc Trình về cho Thầy biết.

Nhờ Đức Thầy truyền Thần, khai khiếu và truyền Pháp, nên việc Hành Pháp rất kết quả khả quan nhứt là Phép Giải Oan và Giải Bệnh. Sự hiệu lực thấy hiển hiện trước mắt, nên mỗi kỳ Đàn, bốn Đạo tụ đến cúng rất đông để được Giải Oan luôn thể.

Vì những huyền diệu các Đấng Thiêng Liêng ban bố hộ trì nên Bốn Đạo hiến thân vào Phước Thiện tấp nập, và đồng thời các tỉnh khác trong miền Nam Việt Nam cũng tương tự như vậy, nghĩa là cũng nhờ huyền diệu việc Giải Oan, Giải Bệnh của các Ông Đầu Họ Phước Thiện mà người hiến thân vào Phước Thiện như lượn sóng tràn bờ.

Cũng trong năm Bính Tý (1936), có lịnh của Ngài Khai Pháp Chưởng Quản Phước Thiện dạy các vị Đầu Họ Phước Thiện chọn người đã hiến thân trọn đời vào Phước Thiện đưa về Tòa Thánh đăng nhập vào Công thợ tạo tác Tổ Đình lối bốn trăm (400) người, kể cả Nam lẫn Nữ. Đức Thầy dạy, nếu ai bằng lòng hy sinh làm Tổ Đình phải Minh Thệ thủ trình trong thời gian tạo tác Tòa Thánh, khi làm xong mới lập gia đình, dầu Nam hay Nữ cũng phải như vậy.

Đến ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (14/12/1936), khởi Cơ ng tạo tác Tòa Thánh. Các Họ Đạo Phước Thiện trong miền Nam Việt Nam đều tổ chức Sở Lương Điền để sản xuất lương thực cần dùng nội Cơ Sở và giúp đỡ cho những người bệnh tật, khốn khổ tai nạn và dành ra một phần đặc biệt đem về Tòa Thánh, cho

công thợ tạo tác Tổ Đình dùng hằng ngày nơi Trại Đường, kể cả thợ hồ, thợ mộc, thợ cửa, thợ sắt, Sở đắp vữa, Sở lò gạch, Sở đào đá v.v...

## **B- CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN CHÍNH THỨC RA ĐỜI.**

Tuy bắt đầu hoạt động từ năm 1935, nhưng lúc đó chức sắc Phước Thiên chỉ có một phẩm gọi là Lễ Sanh Giáo Thiên mà thôi, mãi đến **ngày Mừng 8 tháng giêng năm Mậu Dần (7-2-1938), Hội Thánh ban hành bộ Đạo Luật năm Mậu Dần** qui định rõ 4 Cơ quan trong Đạo là: Hành Chánh, Phước Thiên, Phổ Tế và Tòa Đạo (sau này đổi lại là Pháp Chánh).

Trong bộ Đạo Luật Mậu Dần qui định 12 phẩm trật của Phước Thiên gọi là **Thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng** cùng nhiệm vụ của họ, từ dưới lên trên như sau:

- 1- Minh Đức
- 2- Tân Dân
- 3- Thính Thiên
- 4- Hành Thiên
- 5- Giáo Thiên
- 6- Chí Thiên
- 7- Đạo Nhơn
- 8- Chơn Nhơn
- 9- Hiền Nhơn
- 10- Thánh Nhơn
- 11- Tiên Tử
- 12- Phật Tử

Và đến ngày 19-10 Năm Mậu Dần (10-12-1938), Đức Hộ Pháp và Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch đồng ký tên phong ban hành Đạo Nghị Định số 48 qui định phẩm phục, công cử, cầu phong cho chư chức sắc Phước Thiên. Kể từ đó Cơ Quan Phước Thiên chính thức ra đời và ngang hàng với các Cơ quan khác trong Đạo.

Từ ngày Phước Thiên được chính thức là một trong bốn Cơ quan của nền Chánh Trị Đạo và phân định rõ phẩm tước, hơn nữa Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) lại định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn phân minh thì lại càng tiến triển khả quan hơn trước, nhứt là về tạo tác Tổ Đình, phần công thợ hầu hết là người Phước Thiên, còn về lương thực công thợ dùng hằng ngày là do toàn Đạo, các địa phương hợp sức chung lo, nhưng phần lớn là nhờ các Sở Lương Điền Phước Thiên ở các tỉnh Miền Tây . . .

Cũng trong năm Kỷ Mão (1939), Cơ Đạo đang tiến triển thì bỗng nhiên dùng một cái Chính Quyền Pháp ra lệnh đóng cửa các Thánh Thất và Cơ Sở Phước Thiên trong toàn quốc, nhưng những vị Đầu Họ và Đầu Quận Phước Thiên đã len lỏi ở lại lo trách nhiệm của mình để tiếp tục việc kiến thiết Tòa Thánh.

Tới kỳ Lễ Hạ Ngươn Rằm tháng 10 Canh Thìn (1940), các vị Đầu Họ và Đầu Quận Phước Thiên về Tòa Thánh châu Lễ Đức Chí Tôn, sáng ngày 16, Đức Thầy kêu hết qua Hộ Pháp Đường rồi Đức Thầy dạy Anh Em đến thưa cho Ngài Khai Pháp Chương Quản Phước Thiên hay là: Thầy tôi dạy đến thưa cho Sư Thúc hay rằng Thầy tôi không cho chúng tôi đi hành nhiệm Đầu Họ, Đầu Quận Phước Thiên nữa. Lúc đó Tòa Thánh mới làm vừa kín chớ chưa được hoàn tất. Rồi Đức Thầy cho Anh Em Phạm Môn phân ra kể lo tạo Sở mới, người trở về Sở cũ, lo tìm phương sinh sống hầu bảo bọc lẫn nhau trong cơn khốn khổ.

Bỗng dưng sét đánh ngang mày, khiến toàn Đạo như gà mất mẹ, là **ngày 4 tháng 6 nhuận Tân Tỵ (DI. 27-7-1941), mật thám Pháp ở Sài Gòn đến tại Tòa Thánh bắt Đức Thầy (Đức Hộ Pháp)** đem về Sài Gòn, cách ít ngày sau đó tiếp tục bắt thêm Ông Khai Pháp và nhiều Ông khác nữa, kể chung như dưới đây:

- Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.
- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.
- Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh.
- Q. Thái Chánh Phối Sư Thái Phần Thanh.
- Giáo Sư Thái Gấm Thanh (Công Viện)
- Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến.



Cả sáu vị Đại Thiên Phong nay đều bị lưu đày sang hải đảo Madagascar thuộc Phi Châu, cả toàn Đạo đều chịu cảnh như con mất cha, trò mất Thầy. Tòa Thánh thì quân đội Pháp chiếm đóng (gọi là Thành Mới). Riêng về Anh Em Phạm Môn còn ở nơi đây người thì về gia đình lo bề Nho đạo, nhưng lòng trung nghĩa đối với Đạo, với Thầy và với cả Anh Em không bao giờ phai lợt. Anh Em thường tới lui thăm viếng và bàn bạc nhắc nhở nhau về Đạo, về Thầy và về Anh Em để đợi ngày Đức Thầy trở về cố quốc hầu tiếp nối bước đường lập Cơ ng bồi đức.

Trong thời gian Đức Hộ Pháp bị lưu đày, ở nhà các vị Chức sắc hợp tác với quân đội Nhật lập thành Nội Ứng Nghĩa Bình để lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp để giành độc lập cho đất nước và cũng vì Pháp đã lưu đày Đức Hộ Pháp là vị giáo chủ hữu hình của Đạo. Nhưng sau đó Nhật Bản bị thua trận và đầu hàng Đồng Minh. Pháp trở lại Việt Nam.

Khi hiểu được mục đích khối Cao Đài, nên Pháp muốn xoa dịu lòng căm hận, mới đưa Đức Hộ Pháp trở về Việt Nam và trả lại quyền tự do hành Đạo.

### **Đức Thầy về tới Sài Gòn ngày 26 tháng 7 Bính Tuất (ĐI. 22-8-1946) và về đến Tòa Thánh ngày 4 tháng 8 Bính Tuất (ĐI.30-8-1946).**

Vừa về đến Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp liền tái thủ Đạo Quyền, chấn chỉnh lại các cơ cấu Hành Chánh Đạo.

Đến tháng 10 năm Bính Tuất (1946), liền ra lệnh phục hồi Quyền Vạn Linh tức là tổ chức Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Phước Thiện, kỳ hội này là kỳ Hội Ân Xá nên việc cầu phong, cầu thăng có phần chăm chế, nhờ vậy kết quả về vụ cầu phong được ân phong vào phẩm Lễ Sanh và Giáo Thiện khá nhiều.

### **C- NÂNG CẤP CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN THÀNH HỘI THÁNH PHƯỚC THIÊN:**

Đến cuối năm Bính Tuất (1946), khi Đại Hội bế mạc xong, Đức Thầy liền thành lập Hội Thánh Phước Thiện, gồm đủ Cửu viện giống như Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Và Hội Thánh Phước Thiện đặt trực thuộc Hiệp Thiên Đài.

Ngài Hiến Đạo Hiệp Thiên Đài Phạm Văn Tươi, Chương Quản Phước Thiện.

Kể đến Tết Nguyên Đán Đinh Hợi (1947), Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi về quê nhà ở Cần Giuộc ăn tết rồi bị kẹt luôn không trở lên Tòa Thánh hành Đạo nữa được nên Đức Thầy chỉ định Ông Đạo Nhơn Nguyễn Tự Thể làm Chương Quản Phước Thiện và Phước Thiện vẫn mạnh tiến trên bước đường hành Đạo, Cơ cứu khổ lần lần khai mở thêm như: Cô Nhi Viện Dưỡng Đường Phước Thiện, Bảo Sanh, Trại Hàng Cấp Tế, các Sở Hốt Thuốc Nam miễn phí để giúp cho Nhơn sanh khi bệnh hoạn.

### **Đến ngày 14 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947), Đức Thầy ban ra Phương Luyện Kỹ đặng vào con đường Thứ Ba Đại Đạo. Xem bài đọc thêm)**

Từ ngày thành lập Hội Thánh Phước Thiện thì việc tiến triển từ Trung Ương đến Địa Phương đều rất khả quan. Người hiến thân vào Phước Thiện mỗi ngày thêm đông, nhưng không may Phước Thiện lại chịu tang chung là Ông Chương Quản Phước Thiện Đạo Nhơn Nguyễn Tự Thể qui vị vào ngày mùng 9 tháng 11 năm Đinh Hợi (ĐI. 20-12-1947). Cách lối tuần lễ sau, Anh Em đệ tờ lên Đức Thầy cầu xin định người kế nhiệm Chương Quản Phước Thiện và được Đức Thầy chỉ định Ông Đạo Nhơn Trịnh Phong Cương cầm quyền Chương Quản Phước Thiện và cứ noi theo luật lệ của Đạo từ trước mà tiếp nối.

### **KẾT LUẬN:**

Khởi đầu là Phạm Môn và Minh Thiện rồi sau đó thành Cơ Quan Phước Thiện rồi đến Hội Thánh Phước Thiện, chư vị này đã đóng góp một phần rất quan trọng trong việc xây dựng Đền Thánh cũng như phát triển nền Đạo. Vì vậy trong một bài thuyết Đạo tại Văn Phòng Hội Thánh Phước Thiện vào ngày 12 tháng Giêng Ất Mùi (4-2-1955), Đức Hộ Pháp thuyết giảng như sau:

“Bởi vì sự Công chánh, Bần Đạo đứng giữa đây, Bần Đạo phải nói, Bần Đạo nói thiệt, cả sự nghiệp của Đạo còn tồn tại đây là do bàn tay của Phạm Môn. Nếu không có Phạm Môn thì Đạo không đứng vững.

Đức Chí Tôn đã định cho Bần Đạo thân 72 vị môn đệ mà chỉ hành sự có 36, 37 vị. Buổi đó thầy trò chịu cực khổ, tìm phương tạo nghiệp mà bị chúng đánh đổ, đến đổi vận lương thực Lục tỉnh về Tòa Thánh mà cũng bị ngăn cản, quyết bỏ đói cho chết, mà tội nghiệp thay, họ cũng không thối chí ngã lòng cứ cương

quyết theo Bàn Đạo cho đến ngày lập thành Hội Thánh Phước Thiện.  
Thật nỗi khổ tâm của mấy em Phạm Môn, chỉ lấy hai bàn tay trắng mà tạo nên sự nghiệp cho Đạo, họ chỉ bắt gió nắn hình lấy không làm có . . .”

**Đặc biệt hai vị Phạm Môn đã đắc Thánh vị là Phôi Thánh Phạm Văn Màng và Phôi Thánh Bùi Ái Thoại**, một số vị khác đoạt Thần vị có về Cơ cho biết như ông Thần Chiếm, Thần Trần Văn Toàn, . . . Các vị này chỉ biết lo lập Cơ ng quả và một lòng vì Thầy vì Đạo chứ không có tịnh luyện gì cả, đúng như lời Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy:

“Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của, ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có Công quả”

**HT Mai Văn Tìm**

**Biên soạn theo các tài liệu:**

- Phạm Môn Sử Lược (Hồi ký của Nguyễn Đức Hòa)
- (<http://www.personal.usyd.edu.au/~cdao/booksv/lsphammon.htm>)
- Phạm Môn, Minh Thiện, Phước Thiện (Thanh Minh)
- Cao Đài Từ Điển (HT Nguyễn Văn Hồng)



**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH**

**BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI  
Chương Trình Giáo Lý - 2008**

\* \* \*

**BÀI ĐỌC THÊM số 1**

(Kèm theo Bài Hướng Dẫn số 1 - Chuyên Đề I: Đạo Sử)

\* HDV: HT. Mai văn Tìm

**TIỂU SỬ:**

**PHÔI THÁNH PHẠM VĂN MÀNG và PHÔI THÁNH BÙI ÁI THOẠI**

\* Trích: Cao Đài Từ Điển của HT. Nguyễn Văn Hồng.

**PHẦN I**

**PHÔI THÁNH PHẠM VĂN MÀNG**

(1888 - 1933)

Ngài Phạm Văn Màng, sanh năm Mậu Tý (1888) tại làng Thanh Phước, quận Gò Dầu Hạ, tỉnh Tây Ninh. Thân phụ là Cụ Phạm Văn Nhơn, thân mẫu là Bà Trần Thị Tơ, gia đình lễ giáo Nho gia. Thuở nhỏ, Ngài được cha mẹ cho đi học chữ Nho độ 4 năm, sau đó theo học chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Năm 18 tuổi, Ngài cưới vợ, cô Trịnh Thị Bền, người cùng làng. Hai vợ chồng sanh đặng tất cả (07) người con, nhưng chỉ nuôi được (01) trai và (03) gái:

- Một trai tên là Phạm Văn Xanh (về sau đắc phong phẩm Chơn Nhơn, chết),
- (03) gái tên là: Phạm Thị Xía (Giáo Thiện, chết), Phạm Thị Hối (Giáo Thiện, chết), Phạm Thị Xong (Giáo Thiện, hiện được 73 tuổi tính đến năm 1996, có chồng là Lê Ngọc Lượm).

Ngài Phạm Văn Màng được Ban Hội Tề trong làng cử làm Phó Hương Quản.

Ngày 21-12 Bính Dần, Ngài đến Thánh Thất tại chùa Gò Kén để tìm hiểu sự huyền diệu của Đức Chí Tôn và Ngài thành tâm xin nhập môn vào Đạo Cao Đài ngay hôm đó.

Khi quý Chức sắc Thiên Phong vâng lệnh Đức Lý Giáo Tông đi mua đất rừng tại làng Long Thành để cất Tòa Thánh làm nền tảng cho Đạo, Ngài liền xin từ chức Phó Hương Quản để trọn hiến thân làm công quả cho Đạo.

Ngài được Đức Cao Thượng Phẩm và Phối Sư Thái Bính Thanh cho phép về quê mộ nhân viên công quả lên tiếp sức khai phá rừng, tạo tác xe bò để chuyên chở và làm những lâm cụ cần thiết. Ngài đã hoàn thành công tác và cùng với anh em công quả cất một dãy nhà ở Đông Lang bằng cây lợp tranh để Chức sắc và khách thập phương có nơi tạm nghỉ.

Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh dạy Ngài về làng mộ thêm công quả nữa để tiếp tục khai phá rừng làm những con đường trong Nội Ô, Ngài đều hoàn thành tốt đẹp.

Dưới sự chỉ dạy của Đức Cao Thượng Phẩm, Ngài đã góp phần đặc lực vào những công việc quan trọng như cất Tòa Thánh tạm, Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Phòng Trù, Nhà Khách.

Năm 1928, cơ khảo Đạo xảy ra, Đức Cao Thượng Phẩm bị một nhóm người dùng bạo lực đuổi ra khỏi Tòa Thánh, Ngài cùng với Lễ Sanh Trịnh Phong Cương phò tá Đức Cao Thượng Phẩm về khu đất của gia đình Đức Ngài ở gần Giếng Mạch Tây Ninh, rồi cùng với một số bạn Đạo tạo dựng nơi đây một ngôi nhà, được Đức Cao Thượng Phẩm đặt tên là Thảo Xá Hiền Cung để làm nơi dưỡng tu cho Đức Ngài.

Năm 1929, Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên. Sau khi lo việc đám táng cho Đức Ngài xong thì hai Ngài Màng và Cương lui về quê nhà. Ngài nhận chức Phó Trị Sự để tiếp tục lập công quả.

Đầu năm Canh Ngọ (1930), Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn lập Phạm Môn để tận độ nhơn sanh. Ngài vội thu xếp công việc gia đình, từ chức Phó Trị Sự, trở lên Tòa Thánh hội hiệp cùng các bạn đạo trung kiên buổi trước xin hiến thân trọn đời vào Phạm Môn để lập công quả.

Đức Hộ Pháp giao cho Ngài trách nhiệm Cai quản Sở Trường Hòa, điều động 50 anh em công quả, trong đó có một số người Tần (người Miên) khuếch trương Lương điền công nghệ, tạo nguồn sống khá dồi dào cho Đạo. Ngài về điều độ gia đình gồm vợ (Trần Thị Bền) và 4 đứa con cùng theo Ngài lên Tòa Thánh, cùng làm công quả nơi Sở Trường Hòa, và hiến thân trọn đời vào Phạm Môn.

Trong thời gian làm Cai Sở Trường Hoà, Ngài bị một số người đứng đơn vu oan Ngài gồm (36) khoản tố cáo lên Đức Hộ Pháp.

Đức Hộ Pháp gọi Ngài lên để xét hỏi Ngài có phạm vào các tội đó không?

Ngài nói: Bạch Thầy, con có các tội đó, con xin nhận chịu và cúi đầu tạ tội.

Đức Hộ Pháp hỏi: Sao em dám phạm tội như vậy?

Ngài cung kính đáp: Bạch Thầy, các anh lớn con, mấy em con, không thương con, nói con như vậy, nếu mà con nói không có thì thành ra mấy anh em con nói không thật với Thầy. Thầy quả phạt anh em con tội nghiệp.

Đức Phạm Hộ Pháp vốn đã rõ oan khúc của Ngài, nhưng hỏi thử để xem Ngài đối đáp như thế nào, nay nghe Ngài nói như vậy thì Đức Ngài ghen ngào đổ lụy. Đức Ngài an ủi Ngài với một tình cảm thăm thiết giữa Thầy và trò, và khuyến khích Ngài cứ chí quyết quên mình để phụng sự Đạo pháp.

Ngày Mùng 3 tháng Giêng năm Nhâm Thân (ĐL. 7-2-1932), Đức Phạm Hộ Pháp lập Hồng thệ cho (72) vị cNgài quả Phạm Môn kỳ nhứt tại Sở Trường Hòa, Ngài đứng tên trong danh sách với số thứ tự 26, vợ Ngài là Trần thị Bền cùng(04) con cũng được lập Hồng thệ cùng với Ngài. Về sau, cô Trần Thị Bền được Đức Lý Giáo Tông giảng Cơ phong vào phẩm Lễ Sanh Giáo Thiện Nữ phái đêm 15-2 Ất Hợi (ĐL. 19-3-1935), sau này, được thăng lên phẩm Chí Thiện.

Sau ba năm cai quản ổn định Sở Trường Hòa, Đức Phạm Hộ Pháp bổ Ngài qua làm Cai Sở Bàu Sen để khuếch trương thêm.

Làm Cai Sở Bàu Sen được gần một năm thì Ngài lâm bệnh nặng. Đức Hộ Pháp thường đến thăm và tặng thuốc cho Ngài uống.

Ngày 27-9 Quý Dậu (dl 14-11-1933), Ngài Thần Võ Văn Thoàn (một vị công quả trong Phạm Môn đã qui vị trước đây và đắc Thần vị), giáng Cơ bạch với Đức Phạm Hộ Pháp rằng: Đắc lệnh Trần Văn Xương (Thần Hoàng Long Thành), chư Địa Thần lo nghinh tiếp Phối Thánh Phạm Văn Màng.

Đúng 12 giờ khuya, tức 00 giờ ngày 1-10 Quý Dậu (Dl. 18-11-1933) Ngài Phạm Văn Màng nhẹ nhàng thoát xác tại Sở Quảng Nghệ, hưởng được 46 tuổi.

Linh cứu được quán tại Sở Quảng Nghệ ba ngày, Đức Hộ Pháp đứng chủ sự đám táng, hành Pháp độ thăng và có thuyết minh cho toàn thể tín đồ tham dự đám táng biết rằng, Ngài Phạm Văn Màng đã đắc Thánh vị, phẩm Phối Thánh.

Mười ba (13) ngày sau, tại đàn Cơ nơi Phạm Nghiệp, Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân phò loan, vị Thần Võ Văn Thoàn về Cơ bạch với Đức Phạm Hộ Pháp: Phạm Văn Màng đã đắc Thánh vị, và xin tái kiếp hành Đạo vì Ngài chưa thỏa nguyện công nghiệp hành Đạo.

Đức Phạm Hộ Pháp không cho Ngài Màng tái kiếp vì e không kịp với Cơ Chuyển thể của Đức Chí Tôn. Sự đắc Thánh của Ngài Phạm Văn Màng tỏ ra một cách rõ ràng rằng: dù phẩm vị tại thế gian thấp kém, nhưng công hạnh và tâm đức đầy đủ, trọn vẹn phước đời hành Đạo, trọn tâm trọn chí lập công bồi đức thì nhứt định sẽ đạt được phẩm vị cao trọng xứng đáng nơi cõi Thiêng liêng.

Đức Chí Tôn đã từng dạy rằng: "Thầy lập cho các con một trường thi công quả, các con muốn đến đăng Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi".

Ngày 15-3-1938, Đức Phạm Hộ Pháp Chương Quản Nhị Hữu hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng, đã ký Đạo Nghị Định số 07/PT truy phong Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng vào phẩm THÁNH NHƠN của Thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng của Hội Thánh Phước Thiện, cùng với một số Chức sắc Phước Thiện hữu công khác đã qui liễu, cũng được truy phong lên các phẩm Đạo Nhơn, Chí Thiện, v. . v. . .

Đạo Nghị Định như sau:

### **Đạo Nghị Định**

Chiếu y Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp, Chiếu y Tờ Vi Bằng của Đại Hội Phước Thiện ngày mùng 09 tháng giêng năm Mậu Dần (1938) công cử những vị hữu công cùng Cơ Quan Phước Thiện vào hàng truy phong Nam phái theo kỷ luật Thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng.

Chiếu theo hồ sơ công nghiệp của mỗi vị,

Nghĩ vì những vị kể tên dưới đây tận tâm cùng Cơ Quan Phước Thiện từ buổi ban sơ cho đến ngày qui liễu, nên:

### **Nghị Định:**

**Điều thứ nhứt:** Ban hành cho toàn Đạo đều rõ, những vị dưới đây đăng truy phong vào hàng Chức sắc Phước Thiện:

I. Thánh Nhơn:

1. Phạm Văn Màng, 46 tuổi, ở làng Thanh Phước, Tổng Mỹ Ninh, Tây Ninh.

.....  
**Điều thứ nhì:** Trần Khai Pháp Hiệp Thiên Đài, Chương Quản Cơ Quan Phước Thiện Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, mỗi vị tùy phận sự của mình, lãnh thi hành Đạo Nghị Định này.

**Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 14-2 Mậu Dần (Dl 15-3-1938)**

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

PHẠM CÔNG TẮC

(Ấn ký)

Ngày 14-11 Mậu Tý (ĐL. 14-12-1948), Đức Phạm Hộ Pháp Chương Quản Nhị Hữu hình Đài ký Thánh Lịnh cho Hội Thánh hằng năm cử hành Lễ Vía Kỷ niệm hai vị Phối Thánh Phạm Văn Màng và Bùi Ái Thoại, vì công nghiệp của hai vị Phối Thánh từ buổi ban sơ đã được Ngọc Hư Cung nhìn nhận, cùng đặc ân của Quyền Chí Tôn ân tứ.

\*Ghi chú: Vị Thần Võ Văn Toàn và Phối Thánh Phạm Văn Màng, lúc ở thế là hai anh em bạn rể, Ngài Toàn vai anh. Cả hai vị đều là đệ tử của Phạm Môn, được Đức Phạm Hộ Pháp điểm Đạo cho lập Hồng Thệ thị Đào Viên Pháp cùng một lượt tại Sở Trường Hòa ngày 3 tháng Giêng năm Nhâm Thân. Ngài Toàn qui liễu trước và đắc Thần vị.

Đức Phạm Hộ Pháp có cho đôi liễn đặt trên Bàn đưa:

VỖ phong trần khổ thoát,  
THOÀN pháp cảnh Tiên du.

**HẾT**

## **PHẦN II** **PHỐI THÁNH BÙI ÁI THOẠI** (1909 - 1946)

Ngài Bùi Ái Thoại, tên thật là Bùi Văn Dậu, sanh năm Kỷ Dậu (1909) (1) tại làng Hậu Thành, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Nghề nghiệp: thợ vẽ.  
Thân phụ là Bùi Văn Hên (Đội Trưởng của Nam Triều), thân mẫu là Huỳnh Thị Ngà (có chỗ chép là Nguyễn Thị Ngà).

Ngài Bùi Ái Thoại nhập môn vào Đạo Cao Đài ngày mùng 7-10 Đinh Mão (ĐL. 1-11-1927) tại Hậu Thành, Cái Bè, và cũng từ ngày này, Ngài hiến thân làm công quả nơi Sở Lương điền Công nghệ Tộc Đạo Cái Bè.

Thân phụ của Ngài Bùi Ái Thoại xuất thân từ Võ quan của triều đình Huế, người miền Trung, vì sanh kế phải vào Nam lập nghiệp, gặp thân mẫu của Ngài ở Cái Bè, nên nếp sống gia đình chịu ảnh hưởng Nho phong. Ông Bà sanh con đông, nhưng không nuôi được vẹn toàn, chỉ còn nuôi được Bùi Ái Thoại là con độc nhứt, nhưng Ông Bà lại mất sớm lúc Ngài Bùi Ái Thoại còn niên thiếu.

Hiện ngôi mộ của Ngài tọa lạc tại Nghĩa địa Cục Lạc cũ, bên cạnh Thánh Thất Phận đạo Đệ Tứ, và trên mộ bia lại ghi năm sanh của Ngài là 1908 (Mậu Thân).

Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng nhờ hấp thụ sự giáo hóa của gia đình nên Ngài Thoại được bà con chòm xóm thương mến, nhất là tánh chất của Ngài rất hiền hòa chơn thật.

Khi Đạo Cao Đài vừa truyền đến quê của Ngài thì Ngài liền nhập môn cầu Đạo, rồi làm tờ hiến thân vào Sở Lương điền Công nghệ tại Quận đạo Cái Bè. Năm ấy, Ngài được 19 tuổi.

Năm 1933, Ngài Thoại được 25 tuổi, Ngài lập gia đình, vợ của Ngài cũng ở Cái Bè, sanh được một đứa con gái, rồi chẳng may, vợ của Ngài đau bệnh qua đời, để lại gà trống nuôi con. Chẳng bao lâu sau, đứa con gái thân yêu cũng bị bệnh chết. Ngài trở nên bơ vơ một mình, nhưng vẫn đối xử với cha mẹ vợ rất hiếu kính như đối với cha mẹ ruột, hòa mục cùng anh em trong nhà, khiến mọi người đều thương mến, đồng đạo nể vì.

Năm Ất Hợi (1935), có lịnh của Hội Thánh mộ công quả lên Tây Ninh xây cất Tòa Thánh, Ngài liền xin phép cha mẹ vợ để đi lên Tây Ninh hiến thân làm công quả.

Ngài có tức cảnh làm bài thi:

Xót cảnh cuồng phong chiết cội ngô,  
Khách trần sống sót bại cơ đồ.  
Hai năm thê phụng người tròn tiết,

Thảm đạm hài nhi xót cụm mồ.  
Thệ hải lời vàng cam lồi hẹn,  
Than ôi! Ai lỡ nhịp cầu ô.  
Thủ trình cùng nghĩa duyên trăm nguyện,  
Toan tránh đường ba niệm Nam Mô.

Ngài Thoại lên Tây Ninh trình diện Đức Phạm Hộ Pháp, được bổ vào Sở Bò Cạp lập công năm 1936 (Bính Tý).

Đức Phạm Hộ Pháp định khởi công cất Tòa Thánh, nên ra Châu Tri kêu mộ nhơn công của các Cơ sở, ai có biệt tài gì thì ra giúp Hội Thánh dựng tạo tác Tổ Đình. Ngài Thoại đến trình diện, và được giao trách nhiệm Tá Lý Sở Đắp Vẽ.

Nhờ được sự chỉ dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Bùi Ái Thoại trở nên là một nhơn tài trong nghề đắp vẽ, trên được yêu mến tín nhiệm, dưới được em út kính vì.

Công việc tạo tác Tòa Thánh mới được chừng 80 % thì có lệnh nhà cầm quyền Pháp bắt đình chỉ. Ngày mùng 4-6 Tân Tỵ (DI 28-6-1941) nhà cầm quyền Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp, mặc dầu trước đó, Đức Ngài đã bày tỏ lập trường và Tôn chỉ của Đạo Cao Đài qua Tờ Phúc Trình gửi quan Chủ Trưởng Ủy Ban Điều Tra các Thuộc Địa ngày 12-12-1937, và khi Thế Chiến thứ hai bùng nổ, Đức Ngài kêu gọi Đạo hữu từng quân giúp vào đội công binh của Pháp. Nghĩa cử xem thù là bạn, lấy ơn đáp oán, trong thế kỷ 20 này, chỉ có hai vị siêu nhân của nhơn loại là Thánh Gandhi ở Ấn Độ và Đức Phạm Hộ Pháp ở VN mà thôi. (Ngài Gandhi kêu gọi dân Ấn Độ giúp quân đội Anh trong đội Hồng Thập Tự).

Sau khi nhà cầm quyền Pháp bắt Đức Phạm Hộ Pháp và (05) vị Chức sắc cao cấp của Đạo, chúng đe dọa và xua đuổi các Chức sắc, chức việc, và các công quả trong Nội Ô buộc phải trở về nguyên quán.

Ngài Tá Lý Bùi Ái Thoại, một dạ trung thành với Đạo, không chịu trở về nguyên quán, mà ở lại tạm trú với anh em trong vùng Thánh địa, chờ ngày yên ổn để trở lại tiếp tục làm công quả nữa.

Ngài Bùi Ái Thoại ra hiệp với Ngài Chí Thiện Lê Văn Gấm tạo lập lò chén thuộc Sở Công nghệ Giang Tân, trước có phương thế lo cho sự sống, sau là dạy nghề cho các công quả hầu đùm bọc nhau trong buổi nền Đạo chinh nghiêng.

Ngày 25 tháng Giêng năm Ất Dậu (DI 9-3-1945), quân đội Nhật đảo chánh Pháp tại Sài Gòn, Pháp đầu hàng. Quân đội Pháp phải rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh hoạt động trở lại. Ngài Bùi Ái Thoại liền vào trình diện với Hội Thánh, xin tái thủ phận sự Tá Lý Sở Đắp Vẽ để tiếp tục tái thiết Tòa Thánh.

Trong thời gian quân Pháp chiếm đóng Nội Ô, chúng dùng Tòa Thánh làm nơi để xe, dùng Báo Ân Từ làm Câu lạc bộ, phá phách các dinh thự tan hoang, hư hao nhiều chỗ, nên công việc tái thiết rất vất vả và đòi hỏi nhiều công phu.

Mặc dầu Đức Phạm Hộ Pháp vẫn còn bị đày lưu nơi Mã đảo (Madagascar), chưa trở về Tổ Đình, nhưng Ngài Tá Lý Bùi Ái Thoại vẫn nhớ rất kỹ những lời chỉ dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, những phác họa của Đức Ngài, nên khi Ngài Thoại trở lại làm việc thì Ngài đều làm đúng như lời Đức Phạm Hộ Pháp, không hề sai chạy.

Ngài hăng say làm việc ngày đêm, đôn đốc và khuyến khích anh em trong Sở đem hết khả năng tô điểm lịch xinh ngôi Tổ Đình, là khối Đức Tin của toàn Đạo, trước trả hiếu Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, sau trọn nghĩa với thầy là Đức Phạm Hộ Pháp, để khởi uổng phí một kiếp sanh may duyên gặp Đạo.

Ngài Tá Lý Bùi Ái Thoại, như được Ôn Trên bổ hóa tâm trí minh mẫn, tay nghề khéo léo, nên Ngài đắp vẽ tượng cốt các Đấng Giáo Chủ Tam Giáo, Tam Trấn Oai Nghiêm, Đức Chúa Jésus, Đức Khương Thượng, các tượng của Bát Tiên và Thất Thánh trên tấm diềm nơi Bát Quái Đài, còn trước mặt tiền Tòa Thánh là tượng Đức Quyền Giáo Tông, Bà Nữ Đầu Sư Hương Thanh, tượng Đức Phật Di Lạc trên nóc Hiệp Thiên Đài, và sau cùng là tượng Tam Thế Phật trên nóc Bát Quái Đài.

Qua bàn tay khéo léo của Ngài Bùi Ái Thoại, hình tượng của các Đấng như sống động, uy nghi, vô cùng đẹp đẽ.

Ngài Tá Lý Bùi Ái Thoại có làm Bài thi bày tỏ cảm xúc của mình trước cảnh tang thương của cuộc đời:

Hè chí thu sang tiết trở đông,  
Ướm xuân thoát nhớ nợ tang bồng.  
Quanh năm ngẫm lại buồn cho phận,  
Chất tuổi càng thêm thẹn với lòng.  
Ơn Nước trót đời mang khó trả,  
Nợ nhà mẫn kiếp tính chưa xong.  
Ngùi trông trăm họ vui chung đỉnh,  
Giành giựt giết nhau chẳng tưởng dòng.

Ngài Bùi Ái Thoại đem hết tâm trí và sức lực vào công cuộc đắp vẽ các pho tượng và trang trí Tòa Thánh, làm việc ngày đêm, nên cuối cùng Ngài kiệt sức và lâm bệnh nặng. Ngày 29-Giêng năm Bính Tuất (DL. 2-3-1946), Ngài cõi xác trần trở về cõi Thiêng liêng, sống được 38 tuổi, trong có 19 năm phụng sự cho Đạo. Nhiều người thương tiếc than rằng: Phải chi Ngài ráng sống thêm mấy tháng nữa thì thấy được ngày Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, để Thầy trở sum hiệp vui vầy. (Đức Hộ Pháp được đưa trở về Tòa Thánh ngày 30 - 8 - 1946).

Năm Đinh Hợi (1947), Bát Nương giáng Cơ cho Hội Thánh biết Ngài Bùi Ái Thoại đã đắc quả Phối Thánh, và nên ghi vào lịch Đạo ngày mất mà thiết Lễ kỷ niệm hằng năm, giống như trường hợp Phối Thánh Phạm Văn Màng, để nêu gương cho hậu thế.

Thật vậy, **người ở thế, nếu Tam Lập (Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn) được hoàn toàn, thì dù ở phẩm bậc nào nơi cõi trần, cũng đắc được phẩm vị cao trọng nơi cõi Thiêng liêng. Căn công bình Thiêng liêng rất vô tư, hữu công tất đắc.**

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn nhiều lần nói rằng:  
"Thầy đến độ rồi các con là thành lập một Trường Công Đức cho các con nên Đạo. Vậy đắc Đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn".

Ngài Phối Thánh Bùi Ái Thoại thỉnh thoảng có giáng Cơ tại Báo Ân Từ, không thường xuyên bằng Ngài Phối Thánh Phạm Văn Màng.

### **Bài Thi Hoài Niệm**

Kính bút truyền ghi bậc đức tài,  
Đã dày công buổi Đạo hoằng khai.  
Đem thân hiến trọn về cửa Phạm,  
Tạo nghiệp Tam Kỳ tiếng hậu lai.  
Bởi ý thức đời là giả tạm,  
Nên tìm bến Đạo bỏ đường hai.  
Quả mẫn công viên hồi cựu vị,  
Phối Thánh Thiên phong bậc đức tài.

(Hoài niệm đề nơi mộ của Ngài Phối Thánh Bùi Ái Thoại)

### **Chú thích:**

(1) Theo lời thuật lại của ông Văn Hiếu Liêm ở Phạm Nghiệp, khi Ngài Bùi Văn Dậu nhập môn cầu đạo thì Ngài đổi tên là Bùi Ái Thoại, (Ái là yêu, Thoại là tiếng nói) ý nghĩa là Ngài yêu tiếng gọi của Hội Thánh nên nhập môn và hiến thân làm công quả cho Hội Thánh. Nhưng Số Cầu Đạo của Ngài thì ghi tên là: Bùi Ái Thại, sanh năm 1913 (Quý Sửu).

### **HẾT**



# ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

## BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI Chương Trình Giáo Lý - 2008

\* \* \*

### BÀI ĐỌC THÊM số 2

(Kèm theo Bài Hướng Dẫn số 1 - Chuyên Đề I: Đạo Sử)

\* HDV: HT. Mai Văn Tím

### PHƯƠNG LUYỆN KỶ

\*Trích từ Tài Liệu "Phương Luyện Kỷ" do Ban Thống Nhứt Hòa Bình  
Chung Sống biên soạn và ấn hành năm Tân Hợi (1971)

**\* Lời Cáo bạch:**

"**Phương Luyện Kỷ**" là "**Pháp Môn**" tu hành trong Cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, được Đức Hộ Pháp chỉ dạy trong Thánh Huấn số 209 ngày 14 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947), dạy về cách tu thân, sửa mình, rèn Tâm, luyện Tánh để tìm về với cái Bốn nguyên chí Thánh, chí Thiện  
...

## ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ (Nhị Thập Nhị Niên) Tòa Thánh Tây Ninh

Văn Phòng Hộ Pháp Đường  
Số: 209.

### PHƯƠNG LUYỆN KỶ **ĐẶNG VÀO CON ĐƯỜNG THỨ BA ĐẠI ĐẠO** (Thánh huấn của Đức Hộ Pháp)

- Phải biết thân thích cùng cả nhơn vật tức là tìm nguyên do của Vạn Linh cùng Chí Linh.
- Phải ân hậu và khoan hồng.
- Phải thanh nhàn đừng vị kỷ.
- Phải bình tĩnh nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của họa, phước, buồn, vui (Tập tánh Không Không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh).
- Phải độ lượng, khoan dung, tha thứ.
- Phải vui vẻ, điều hoà, tự chủ, và quyết đoán.
- Giữ linh tâm làm căn bản.
- Hiểu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu.

### PHƯƠNG PHÁP TRI TÂM Vì Tâm là hình ảnh của Thiên lương

- Đức tin và khôn ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ, là đồ vô giá.
- Ai đã cố oán kẻ thù của mình, thì khó giữ thanh tâm Công chánh choặng.



- Ai chẳng oán hận mới thẳng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.
- Sự cừu hận là mối thảm khổ đê nhứt của nhơn sanh, nên người Hiền thì không biết đến, hay là từ bỏ cừu hận oán ghét.
- Thẳng đặng khí nộ mình, thì không chọc ai giận dữ.
- Lấy Thiện mà trừ Ác.
- Lấy Nhơn nghĩa trừ bạo tàn.
- Lấy lòng quảng đại đặng mở tâm lý hẹp hòi.
- Lấy Chánh trừ Tà.

**Ấy là đường thương huệ kiếm.**

### **LUYÊN THÂN, LUYÊN TRÍ**

- Âm thực tinh khiết.
- Tư tưởng tinh khiết.
- Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Chí Tôn và Phật Mẫu.
- Thương yêu vô tận.

**Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế này.**

**Tòa Thánh, ngày 14 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947)**

**Hộ Pháp**

(Ký tên và đóng dấu )

### **LỜI CHỈ DẪN CỦA ĐỨC HỘ PHÁP VỀ PHƯƠNG LUYÊN KỶ**

**Muốn đi Con Đường Thứ Ba phải:**

- Tập mình đừng ham muốn các điều chi cho mình nữa.
- Hành tàng của Chí Tôn là phận sự của mình.
- Phải yêu ái với Chí Tôn và Phật Mẫu, cái yêu ái và hiếu hạnh ấy phải là phi thường do tâm linh điều khiển.
- Phải thương yêu nhơn sanh và vật loại hơn mình và coi đồng thể, đồng sanh với mình.
- Phải tạo dựng cố thủ thâm tâm cho nên chí Thánh, và đoạt đủ ba ngàn công quả thì sẽ đi êm bước đặng và mới vững vàng thẳng muôn điều trở ngại.

**Hộ Pháp**

**HẾT**